

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2020/HNGĐ-ST**
Ngày 18-6-2020
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Ý

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Tấn Tài

Ông Trần Công Đăng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lụa là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Phạm Duy Lễ - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 47/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2020 về việc Tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Hiền D, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 7, xã K1, huyện U, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Văn Công Đ, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Địa chỉ cư trú: Ấp 3, xã K2, huyện U, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Hiền D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Văn Công Đ tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào ngày 19/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã K2, huyện U, tỉnh Cà Mau. Do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, nhiều ý kiến bất đồng nên không thể chung sống được nữa. Chị yêu cầu ly hôn với anh Văn Công Đ.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Văn Tiến Đạt sinh ngày 18/5/2019, hiện đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ngày 19/5/2020, bị đơn anh Văn Công Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian nhưng do anh có lỗi với chị D nên nay chị D yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý. Về con chung, có 01 người con chung tên Văn Tiến Đạt sinh ngày 18/5/2019, hiện đang sống chung với chị D. Sau khi ly hôn anh đồng ý để chị D tiếp tục nuôi cháu Đạt, anh không cấp dưỡng. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Đồng thời anh yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm: Về tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 55, 58, khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Lê Hiền D và anh Văn Công Đ, giao cháu Văn Tiến Đạt cho chị D nuôi dưỡng, anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; các đương sự không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu nên không xem xét; về án phí: đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Văn Công Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ.

[2] Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa các đương sự được xác định là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Chị Lê Hiền D và anh Văn Công Đ tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã K2, huyện U, tỉnh Cà Mau nên quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh Đ là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của chị Lê Hiền D, thấy rằng: Chị D yêu cầu được ly hôn với anh Đ do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, nhiều ý kiến bất đồng. Tại biên bản ghi lời khai, anh Đ cũng đồng ý ly hôn với chị D mà không có yêu cầu hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về việc ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị D và anh Đ.

Về nuôi con chung: Chị D và anh Đ có 01 người con chung tên Văn Tiến Đạt (giới tính: nam) sinh ngày 18/5/2019. Xét thấy con chung dưới 36 tháng tuổi, đồng thời chị D và anh Đ có ý kiến thống nhất để chị D tiếp tục nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Văn Tiến Đạt cho chị D tiếp tục trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh Đ thống nhất trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Từ những phân tích trên, xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí sơ thẩm: Chị D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 55, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Hiền D và anh Văn Công Đ.

- Về nuôi con chung: Giao cháu Văn Tiến Đạt (giới tính: nam) sinh ngày 18/5/2019 cho chị Lê Hiền D tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự thống nhất trình bày là không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Chị Lê Hiền D phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng. Chị D đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền số 0004835 ngày 13/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện U, tỉnh Cà Mau được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Chị D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đ có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện U Minh;
- Chi cục THADS huyện U;
- UBND xã K2, huyện U;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ vụ án, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Ý